

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2018/HS-ST
Ngày: 20 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Chân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Lệ Nga**

2. Bà **Lê Thị Mỹ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 186/2018/TLST- HS ngày 30 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Đào T (tên gọi khác Sol), sinh năm 1968;

Nơi đăng ký HKTT và Chỗ ở hiện nay: Số 342/14/2 đường NQ, khu phố 1, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Chạy xe ôm ; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào S (đã chết) và bà Tăng Thị Q; tiền sự: Chưa; tiền án: chưa; Vợ bà Lê Thị M, sinh năm 1966, nghề nghiệp: Mua bán; Con có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** **Lưu Thị X**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 328/24 NQ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo là Luật sư **Dương Minh B** – thuộc văn phòng luật sư Phạm Anh Vũ.

- **Người làm chứng:**

Lê Công Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 328/24 NQ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt)*

Lê Thị M, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 451 NQ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt)*

Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 328/12 NQ, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 27/02/2018, Đào T chạy xe ôm vào khu vực chợ Bắc Sơn thị gặp chị Lưu Thị X – Sinh năm 1981 đang ngồi trên xe mô tô. Sau đó T dừng xe lại và đi bộ đến chỗ chị Xuân ngồi yêu cầu chị Xuân trả tiền do trước đây Xuân có tham gia chơi hụi do ông T làm chủ thì hai bên xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau. Lúc này T thấy trên cổ chị Xuân có đeo 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền hình trái tim loại vàng 24K, T nói với chị Xuân nếu không trả tiền thì T sẽ giật sợi dây chuyền trừ nợ, chị Xuân thách thức T. Bực tức khi nghe chị Xuân thách thức thì T liền dùng tay giật mạnh sợi dây chuyền của chị Xuân và bỏ đi. T đi được khoảng 3m thì chị Xuân đuổi theo giữ chân T lại và điện thoại cho chồng là Lê Công Đ. Cùng lúc này Lê Thị M là vợ T đi lại thấy Lê Công Đ, Xuân đang giằng co với T thì nhào lại xô xát với vợ chồng Xuân nhưng được mọi người can ngăn (bà Mai không biết T giật sợi dây chuyền của Xuân). Trong quá trình giằng co thì làm rớt mất 01 đoạn dây chuyền (không thu hồi được) chỉ thu hồi được sợi dây chuyền bị đứt và mặt dây chuyền bằng vàng 24K. Đến ngày 16/5/2018 Đào T bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố G khởi tố và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bút lục 33, 35, 40, 43, 45, 61).

Quá trình điều tra xác định Đào T phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả.

*** Về việc thu giữ tài liệu, đồ vật:**

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng dài 30cm.

- 01 (một) mặt kim loại màu vàng hình trái tim.
- 01 (một) móc cài có khoen nổi trên T có chữ THP 990 bằng kim loại màu vàng.

- 03 (ba) mảnh vỡ của khoen bằng kim loại màu vàng.

Tất cả đã trao trả cho chị Lưu Thị X.

* Tại bản kết luận về việc định giá tài sản số: 109/KL-TCKH, ngày 09/05/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố G. Kết luận như sau:

- Giá trị của sợi dây chuyền và mặt hình trái tim bằng vàng 24K, loại vàng 990, trọng lượng 04 chỉ vào ngày 27/02/2018 là: 14.400.000 đồng.

***Về trách nhiệm dân sự:** Trong quá trình điều tra, Chị Lưu Thị X đã nhận lại tài sản và yêu cầu bồi thường 2.300.000 đồng, bị cáo đã bồi thường xong (bức lục số: 61).

*** Bản cáo trạng số: 125/CT- VKSTPRG ngày 27 tháng 7 năm 2018** của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G đã truy tố bị cáo Đào T về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo **Đào T** mức án từ **06 tháng đến 09 tháng tù**.

- Hình phạt bổ sung: Không có.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu bồi thường tài sản bị thiệt hại và không có yêu cầu gì khác nên đề nghị miễn xét.

*** Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho các bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa như sau:**

Luật sư thống nhất theo như Viện kiểm sát nhân dân thành phố G đã truy tố bị cáo Đào T phạm tội cướp giật tài sản theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nhưng đại diện Viện kiểm sát truy tố theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 là chưa phù hợp. Nguyên nhân dẫn đến bị cáo Đào T có

hành vi phạm tội là do một phần lỗi của bị hại do bị hại thiếu tiền của bị cáo và bị hại đã khiêu khích bị cáo nên bị cáo mới giật sợi dây chuyền của bị hại mục đích là để trừ nợ. Bị cáo có nhân thân tốt, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục hậu quả và bị cáo đã đạt nhiều giấy khen tại địa phương và còn an tỉnh, hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng khó khăn, bị cáo là người dân tộc nên thiếu hiểu biết về pháp luật. Như vậy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được thể hiện tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án treo được quy định tại Căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo*”, điểm b, e, h, i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 cho bị cáo hưởng mức án 01 năm tù nhưng cho được hưởng án treo thời gian thử thách là 02 năm.

*** Tại phiên tòa, bị hại bà Lưu Thị X** không yêu cầu bị cáo T và gia đình bị cáo T bồi thường thiệt hại; về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*** Lời nói sau cùng của bị cáo T:** Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi của bản thân là sai trái và cảm thấy ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để lao động phụ giúp gia đình và vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Đào T và bị hại Lưu Thị X đều thừa nhận bị cáo và bị hại có mối quan hệ quen nhau từ trước và đã từng

chơi hụi chung, do bị cáo T làm chủ hụi, bị hại Xuân là người chơi hụi, do bị cáo làm chủ hụi thực hiện nhiệm vụ gom tiền và giao tiền cho những người chơi hụi nhưng không có làm giấy tờ như sổ hụi và giấy giao hụi cho người chơi hụi nên giữa bị cáo T và bị hại Xuân có sự không thống nhất với nhau về vấn đề tiền bạc. Bị cáo cho rằng bị hại có vô hụi của bị cáo mỗi ngày là 50.000 đồng (hụi góp vốn xoay vòng không có lời). Người nào hốt hụi thì cho 01 đầu thảo là 50.000 đồng. Bị hại Xuân vô 06 đầu và đã hốt hết. Sau khi hốt hụi xong thì bị hại Xuân không đóng tiền hụi nữa cho đến khi mãng hụi thì bị hại Xuân còn nợ bị cáo số tiền 77.700.000 đồng cho đến nay không trả.

Bị hại Xuân trình bày có tham gia chơi hụi như bị cáo trình bày trên nhưng bị hại chỉ tham gia chơi có 04 đầu hụi. Sau khi đóng được 03 tuần đến tuần thứ 4 thì bị hại hốt hụi do vợ bị cáo ghen tuông với bị hại quá nên bị hại nói với bị cáo không chơi hụi nữa và hốt hụi với số tiền bị cáo đóng trước đây khi nào có thì trả lại cho bị hại và bị hại có thừa nhận có nhận của nhân chứng Mai số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo gởi cho bị hại và bị hại cho rằng hiện nay bị cáo còn thiếu tiền của bị hại. Từ việc bị cáo và bị hại đã làm ăn qua lại không rõ ràng về tiền bạc, bị cáo cho rằng bị hại Xuân còn thiếu tiền hụi của bị cáo số tiền 77.700.000 đồng nên vào khoảng 07 giờ, ngày 27/02/2018, bị cáo chạy xe ô tô vào khu vực chợ Bắc Sơn thì gặp bị hại đang ngồi trên xe mô tô. Sau đó bị cáo dừng xe lại và đi bộ đến chỗ bị hại ngồi yêu cầu bị hại trả tiền do trước đây bị hại có tham gia chơi hụi do bị cáo làm chủ thì hai bên xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau. Lúc này bị cáo thấy trên cổ chị Xuân có đeo 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền hình trái tim loại vàng 24K, bị cáo nói với bị hại nếu không trả tiền thì T sẽ giật sợi dây chuyền trừ nợ, chị Xuân thách thức bị cáo. Bực tức khi nghe bị hại thách thức thì bị cáo liền dùng tay giật mạnh sợi dây chuyền của bị hại và bỏ đi. Bị cáo đi được khoảng 3m thì bị hại đuổi theo giữ chân bị cáo lại và điện thoại cho chồng là Lê Công Đ. Cùng lúc này Lê Thị M là vợ bị cáo đi lại thấy Lê Công Đ, bị hại đang giằng co với bị cáo thì nhào lại xô xát với vợ chồng bị hại nhưng được mọi người can ngăn (bà Mai không biết bị cáo giật sợi dây chuyền của bị hại). Trong quá trình giằng co thì làm rớt mất 01 đoạn dây chuyền (không thu hồi được) chỉ thu hồi được sợi dây chuyền bị đứt và mặt dây chuyền bằng vàng 24K và bị Công an phường mời về phường L làm việc cùng tang vật chứng. Đến ngày 03/04/2018 Đào T bị khởi tố để điều tra.

Xét lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đúng theo nội dung kết luận điều tra, nội dung bản cáo trạng; đồng thời phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện tội phạm, do bị cáo không lấy được số tiền nợ và do phía

người bị hại khiêu khích nên bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại; hành vi phạm tội của bị cáo có khả năng dẫn đến nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của bị hại;

Theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội Cướp giật tài sản quy định, người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù từ “01 năm đến 05 năm”.

Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và theo cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng; gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm mất trật tự trị an, an toàn giao thông tại địa phương. Khi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo đều nhận thức được việc thực hiện hành vi cướp giật tài sản là vi phạm pháp luật và có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác; nhưng vì dùng vật có giá trị để cản trừ số tiền nợ trên nên bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác và cùng với ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế và cũng là người dân tộc thiểu số. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có giấy khen tại địa phương và công an tỉnh trao tặng, bị hại thừa nhận mình có lỗi một phần và có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo không kìm chế được hành vi của mình từ đó mới thực hiện hành vi phạm tội mà không lường hết được hậu quả. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng cho bị cáo T các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, e, h, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng khoản 2 điều 46 BLHS cân nhắc mức án cho bị cáo khi lượng hình, xử bị cáo mức án vừa phải trong dưới khung hình phạt như vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ răn

đe, giáo dục phòng ngừa chung, đủ thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo hòa nhập cộng đồng, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Từ những phân tích nêu trên, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo, qua đó đảm bảo được tính phòng ngừa chung trong xã hội; trong đó mức án áp dụng đối với bị cáo T phải nghiêm khắc là thỏa đáng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại đã nhận lại đủ tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 171; Điều 46, điểm b, e, h, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo*”.

- Tuyên bố bị cáo Đào T phạm tội “Cướp giật tài sản”; xử phạt bị cáo Đào T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng được tính kể từ tuyên án sơ thẩm (ngày 20/8/2018). Giao bị cáo Đào T cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 98 và Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo và người bào chữa của bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; Riêng đối với những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Công An Tp. Rạch Giá;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu .

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Hoàng Chân